

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±%	Điểm 7th%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16115222	Dương Trọng Anh	DH16CB					Cam' thi v	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18454001	Vi Đức Anh	LT18OT					Cam' thi	0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18115925	Nguyễn Thành Bá	DH18CB					Cam' thi v	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK					✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15153007	Lê Công Danh	DH15CD				1.9	5.4	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17115012	Châu Thị Ngọc Diễm	DH17GN				2.4	5.3	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17153020	Đặng Quang Duy	DH17CD					Cam' thi v	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK				2.8	4.4	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL				2.4	5.1	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18454002	Đặng Văn Đạt	LT18OT			1	2.1	6.7	9.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15115021	Trần Tiến Đạt	DH15GN				1.2	1.4	2.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK				2.2	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			0.7	1.2	2.1	2.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15115033	Trần Châu Giang	DH15CB				1.2	0.4	1.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18454004	Trần Ngọc Hải	LT18OT				2.6	3.2	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18454007	Huỳnh Ngọc Hiếu	LT18OT				2	3.5	5.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 04373

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm 7th/9%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118036	Nguyễn Văn	Hiệu	DH17CK	<i>Phuor</i>	1	2.5	6	9.5	0012345678910	0123456789
18	15115055	Phạm Văn	Hòa	DH15GB	<i>Hòa</i>		2	3.2	5.2	0012345678910	0123456789
19	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL	<i>Hu</i>		3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
20	16137036	Huỳnh Quang	Huy	DH16NL	<i>Huy</i>		1.4	1.1	2.5	0012345678910	0123456789
21	16137034	Nguyễn Nho	Hưng	DH16NL	<i>Nho</i>		2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
22	15137023	Quách Nguyễn Kim	Hưng	DH15NL	<i>huy</i>		3	6.8	9.8	0012345678910	0123456789
23	16115065	Nguyễn Thị Kim	Hương	DH16CB	<i>thg</i>		2.2	4.9	7.1	0012345678910	0123456789
24	17115047	Nguyễn Thị Thu	Hường	DH17GN	<i>th</i>	1	2.8	4.9	8.7	0012345678910	0123456789
25	14114049	Nguyễn Nhật	Kha	DH14CB			0.8	✓	✓	0012345678910	0123456789
26	15115072	Lê Nguyễn Hoàng	Kim	DH15GN	<i>th</i>		2	3	5.0	0012345678910	0123456789
27	15115086	Trần Văn	Lộc	DH15GN	<i>th</i>		2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
28	16137049	Ngô Văn	Lợi	DH16NL	<i>th</i>		2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
29	13118221	Võ Văn	Nguyên	DH13CK	<i>nguyên</i>		2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
30	15115113	Trần Nguyễn Trọng	Nhân	DH15CB	<i>th</i>		2.8	1.4	4.2	0012345678910	0123456789
31	17115074	Trần Quốc	Nhân	DH17CB	<i>nhân</i>		1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
32	15115114	Trương Trọng	Nhân	DH15CB	<i>th</i>	Cấm thi		0	0.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04373

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm T. kết	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			1	2.9	2.1	6.0	00012345678910	0123456789
34	15115134	Vũ Nhật Quang	DH15CB				1	1.1	2.1	00012345678910	0123456789
35	18454018	Lê Minh Quý	LT18OT			1	1.8	4.2	7.0	00012345678910	0123456789
36	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			0.5	2.8	6.7	10.0	00012345678910	0123456789
37	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK				✓	✓	✓	00012345678910	0123456789
38	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				2	1.4	3.4	00012345678910	0123456789
39	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC				3	2.8	5.8	00012345678910	0123456789
40	16115147	Nguyễn Thị Thu	DH16GB				2.5	3.2	5.7	00012345678910	0123456789
41	18454010	Đỗ Nhật Thành	LT18OT				2.6	1.4	4.0	00012345678910	0123456789
42	17115097	Lê Đình Quốc	DH17CB				1.9	1.1	3.0	00012345678910	0123456789
43	18454013	Bùi Vũ Thi	LT18OT				2.2	✓	✓	00012345678910	0123456789
44	18454014	Võ Lê Phú Thiện	LT18OT				1.8	0	1.8	00012345678910	0123456789
45	18454015	Huỳnh Ngọc Thịnh	LT18OT				2.4	2.1	4.5	00012345678910	0123456789
46	15115161	Nguyễn Thị Minh Thúy	DH15CB				2	3.2	5.2	00012345678910	0123456789
47	17115109	Trần Nguyễn Anh Thư	DH17GB				3	6	9.0	00012345678910	0123456789
48	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD				2.8	4.2	7.0	00012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04373

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL				3	7	10.0	001234567890
50	18454016	Nguyễn Thế Trọng	LT18OT				2.2	✓	✓	001234567890
51	18454011	Lê Sỹ Đình Trung	LT18OT				2.2	1.4	3.6	001234567890
52	15115182	Vũ Trung Trục	DH15CB				1.7	0.8	2.4	001234567890
53	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK				1.4	1.1	2.5	001234567890
54	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL				Cấm thi		✓	001234567890
55	15115187	Trần Bá Trường	DH15GN				1.9	2.1	4.0	001234567890
56	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL				2.2	2.8	5.0	001234567890
57	14137089	Đinh Như Tuấn	DH14NL				Cấm thi		✓	001234567890
58	18454012	Nguyễn Phan Tuấn	LT18OT				2.2	1.1	3.3	001234567890
59	15115197	Hồ Thanh Văn	DH15CB				1.7	0	1.7	001234567890
60	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD				3	5.6	8.6	001234567890

Mã nhận dạng 04373

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nguyên lý máy(207111)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Phan Minh Hiền

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02058

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CB_01

Tổ Thi 001_DH17CB_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17115001	Nguyễn Thành An	DH17CB	An			3	3.2	6.2	0012345678910
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	Anh			3	3.5	6.5	0012345678910
3	17115004	Đoàn Văn Bảo	DH17GN	Bao			2.7	1.4	4.1	0012345678910
4	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD	Bao			1.5	1.5	3.0	0012345678910
5	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL	Chien			1	1.4	1.4	0012345678910
6	17115008	Thái Khoa Chương	DH17GN	Chuong			3	2.8	5.8	0012345678910
7	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL	Danh			3	3.5	6.5	0012345678910
8	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OT	Dien			2.2	1.8	4.0	0012345678910
9	17115020	Trần Thị Mỹ Dung	DH17GB	Dung			1.5	5.6	7.1	0012345678910
10	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL	Duy			3	7	10.0	0012345678910
11	17115021	Nguyễn Nhật Dương	DH17CB	Duong		0.8	3	3.2	7.0	0012345678910
12	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT	Dat			1.2	3.9	5.1	0012345678910
13	17115014	Nguyễn Thị Thu Điềm	DH17GN	Diem			1.2	2.8	4.0	0012345678910
14	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL	Don			3	3.5	6.5	0012345678910
15	17115029	Nguyễn Khắc Hải	DH17GN	Hai			3	6.3	9.3	0012345678910
16	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD	Hanh			2.4	2.8	5.2	0012345678910



Mã nhận dạng 02058

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CB_01

Tổ Thi 001_DH17CB_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm 7th%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17115035	Lê Trung Hiếu	DH17CB				2.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789
18	17115143	Nguyễn Công Hiếu	DH17GB				1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789
19	17115037	Võ Lê Hoàng Hiếu	DH17GN				2.1	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
20	17115039	Nguyễn Văn Hoài	DH17CB			1	2.5	3.5	7.0	0012345678910	0123456789
21	17115040	Lê Thị Kim Hoàn	DH17CB				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
22	17115044	Sỹ Quang Hùng	DH17GB				0.9	0.7	1.6	0012345678910	0123456789
23	17115049	Nguyễn Mạnh Huyền	DH17GB				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
24	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
25	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
26	17115061	Nguyễn Thị Tú Linh	DH17GB				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
27	17115068	Dương Thị Quỳnh Mai	DH17GN				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
28	17114029	Nguyễn Văn Mẫn	DH17CB			Cấm	th		0.0	0012345678910	0123456789
29	13115071	Dương Công Minh	DH13CB				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
30	17137046	Nguyễn Na	DH17NL				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
31	17115071	Trần Kiến Nam	DH17GN				2.4	4.3	7.3	0012345678910	0123456789
32	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			1	3	4.6	8.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02058

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CB_01

Tổ Thi 001_DH17CB_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17115082	Võ Nguyên Phát	DH17CB	<i>Ph</i>			3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
34	15115121	Nguyễn Văn Phong	DH15CB	<i>Phong</i>			Cam thi		✓	0012345678910	0123456789
35	17115083	Hồ Trọng Phú	DH17GB	<i>Phu</i>			18	5	6.8	0012345678910	0123456789
36	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC	<i>Ph</i>			3	6	9.0	0012345678910	0123456789
37	17115085	Lê Thị Phụng	DH17CB	<i>Phung</i>			1.5	5.3	6.8	0012345678910	0123456789
38	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	<i>Quang</i>			1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
39	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL	<i>Son</i>			3	7	10.0	0012345678910	0123456789
40	17115094	Đinh Văn Thái	DH17CB	<i>Thai</i>			3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
41	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL	<i>Tham</i>			1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
42	17115101	Quảng Thị Lâm	DH17CB	<i>Lam</i>			3	✓	✓	0012345678910	0123456789
43	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL	<i>Thien</i>			2.7	6	8.7	0012345678910	0123456789
44	17115103	Nguyễn Thị Thiết	DH17CB	<i>Thiet</i>			3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
45	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL	<i>Thuc</i>			1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
46	17115115	Phạm Bùi Anh Tiến	DH17CB	<i>Tien</i>			2.9	1.1	4.0	0012345678910	0123456789
47	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD	<i>Tinh</i>			Cam thi		✓	0012345678910	0123456789
48	17115121	Nguyễn Thị Minh Trang	DH17GB	<i>Trang</i>			3	4	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02058

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CB_01

Tổ Thi

001_DH17CB_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17115118	Nguyễn Thị Bích Trâm	DH17GN				2.7	4	6.7	0012345678910	0123456789
50	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK				1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789
51	17115125	Phan Võ Minh	DH17GN				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
52	16137091	Vũ Nhật	DH16NL				3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
53	17115128	Lê Huy	DH17GN				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
54	14118305	Trương Thanh	DH14CK			Cẩn thận			✓	0012345678910	0123456789
55	17115130	Đào Ngọc Mỹ	DH17CB				3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
56	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	DH17NL			1	3	6	10.0	0012345678910	0123456789
57	17154120	Nguyễn Thành	DH17OT				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
58	16118179	Nguyễn Minh	DH16CK				0.9	8.6	6.5	0012345678910	0123456789
59	17115138	Ngô Thị Hồng	DH17GB				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 59. Số sinh viên vắng 4...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày thi 19/06/2019

N. V. Kiệp

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi

001_TINCHI_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30 %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18115925	Nguyễn Thành Bá	DH18CB				0.9	✓	✓	0012345678910	0123456789
2	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD				1.2	✓	✓	0012345678910	0123456789
3	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC				2.7	1.4	4.1	0012345678910	0123456789
4	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
5	15115016	Trương Mai Cường	DH15GB				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
6	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
7	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL				2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
8	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
9	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL				2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
10	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
11	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
12	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT		1		3	4.2	8.2	0012345678910	0123456789
13	16115025	Nguyễn Thành Đạt	DH16CB				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
14	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT				2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
15	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL				2.7	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
16	16115252	Dương Thái Đông	DH16CB				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 001_TINCHI_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			0.5	3	6.3	9.8	0012345678910	0123456789
18	17114009	Mai Phong	DH17GN				—	0	0.0	0012345678910	0123456789
19	15137009	Lê Thành	DH15NL				2.4	3.9	6.3	0012345678910	0123456789
20	15115033	Trần Châu	DH15CB				1.2	✓	✓	0012345678910	0123456789
21	14115025	Phạm Thanh	DH14GN				2.4	3.2	5.6	0012345678910	0123456789
22	15154019	Võ Duy	DH15OT				2.4	0.8	3.1	0012345678910	0123456789
23	14118022	Nguyễn Mạnh	DH14CK				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
24	16118049	Nguyễn Văn	DH16CK				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
25	14115033	Bùi Minh	DH14GN				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
26	16115056	Trần Thị	DH16GN				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
27	16137031	Nguyễn Ngọc	DH16NL				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
28	16115067	Đặng Quang	DH16CB				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
29	16137036	Huỳnh Quang	DH16NL				3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
30	15137029	Phạm Đăng	DH15NL				3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
31	15137023	Quách Nguyễn Kim	DH15NL				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
32	15137024	Vũ Quang	DH15NL				1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi

001_TINCHI_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 + %	Đ2 30 %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK	Khoa			2.7	3.9	6.6	0012345678910	0123456789
34	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD	Kỳ			0.9	0.8	1.6	0012345678910	0123456789
35	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC	Minh			2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
36	15115093	Nguyễn Ngọc Thanh Minh	DH15CB				1.2	V	V	0012345678910	0123456789
37	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC	Minh			2.4	0.7	3.1	0012345678910	0123456789
38	14115343	Nguyễn Thanh Nam	DH14GN				2.4	V	V	0012345678910	0123456789
39	16115107	Phạm Bảo Nam	DH16CB				/	V	V	0012345678910	0123456789
40	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL	Ngọc		1	1.8	5	7.8	0012345678910	0123456789
41	18154085	Lê Quốc Nhân	DH18OT	Nhân			2.7	1.4	4.1	0012345678910	0123456789
42	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL	Nhân			3	5	8.0	0012345678910	0123456789
43	15115114	Trương Trọng Nhân	DH15CB				/	0	0.0	0012345678910	0123456789
44	16115132	Huỳnh Ngọc Phấn	DH16CB	Phấn			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
45	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK				2.7	V	V	0012345678910	0123456789
46	16115239	Nguyễn Nhật Quang	DH16CB	Quang		0.5	2.4	3.9	6.8	0012345678910	0123456789
47	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD	Quang			2.5	3.5	6.0	0012345678910	0123456789
48	16115141	Trịnh Minh Quang	DH16CB	Quang			2.4	3.2	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_02**

Tổ Thi **001_TINCHI_02**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **19/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm 7thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15115134	Vũ Nhật Quang	DH15CB				1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
50	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
51	16115143	Tạ Thị Kim Quyên	DH16CB				2.7	1.4	4.1	0012345678910	0123456789
52	12115097	Trần Mạnh Quyết	DH12GN				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
53	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK				1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
54	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
55	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK				2.1	4.9	7.0	0012345678910	0123456789
56	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
57	16115158	Võ Hồng Thắng	DH16CB				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
58	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
59	14115376	Thái Kế Thiện	DH14GN					0	0.0	0012345678910	0123456789
60	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL				2.4	✓	✓	0012345678910	0123456789
61	14115380	Vũ Đức Thịnh	DH14GN				1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
62	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
63	15115156	Nguyễn Thành Thông	DH15GN				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
64	16115245	Đoàn Minh Trí	DH16GB				3	1	4.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 001_TINCHI_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 19/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT				1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
66	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT				2.9	1.1	4.0	0012345678910	0123456789
67	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
68	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
69	15115188	Nguyễn Thanh Tú	DH15CB				1.2	✓	✓	0012345678910	0123456789
70	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			1	3	4.6	8.6	0012345678910	0123456789
71	15115191	Ngô Tuấn	DH15GN				3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
72	16115204	Nguyễn Thị Thùy Vân	DH16GN				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
73	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
74	14115418	Đặng Trọng Quốc	DH14GN				3.0	✓	✓	0012345678910	0123456789
75	16115249	Huỳnh Quang Vinh	DH16CB				2.7	2.5	5.2	0012345678910	0123456789
76	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD				2.7	5.6	8.3	0012345678910	0123456789
77	16137105	Nguyễn Hữu Anh	DH16NL			1	2.7	3.9	7.6	0012345678910	0123456789
78	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK				3	6	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02059

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi TINCHI_02 Tô Thi 001_TINCHI_02 Tên CBGD Trương Quang Trường
Ngày Thi 19/06/2019 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi HD303

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Liên - Đức

Bul

Trương Quang Trường

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02063

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17OT_03**

Tổ Thi **001_DH17OT_03**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT			1	2	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan Anh	DH17OT			0,9	2	1,7	4,6	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			1	2	4,9	7,9	0012345678910	0123456789
4	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT			1	2,1	1,9	5	0012345678910	0123456789
5	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			1	2	1	4	0012345678910	0123456789
6	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT			1	2,1	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
7	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			0,8	0,8	2,8	4,4	0012345678910	0123456789
8	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			1	1,7	2	4,7	0012345678910	0123456789
9	17154011	Đặng Thành Đạt	DH17OT			1	1,4	2,6	5	0012345678910	0123456789
10	17154013	Phạm Thành Đạt	DH17OT			1	2,1	5,1	8,2	0012345678910	0123456789
11	17154016	Nguyễn Khoa Điễn	DH17OT			1	1,7	2,9	5,6	0012345678910	0123456789
12	17154023	Nguyễn Hoàng Trường Giang	DH17OT			1	2,1	4,9	8	0012345678910	0123456789
13	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			1	2,5	1,5	5	0012345678910	0123456789
14	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT			1	1,8	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
15	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc Hải	DH17OT			1	1,5	1,6	4,1	0012345678910	0123456789
16	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			1	2,4	2,1	5,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02063

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_03

Tổ Thi 001_DH17OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154028	Phạm Tử Hùng	Hiếu	DH17OT		0,9	0,6	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
18	17154029	Phan Thanh	Hiếu	DH17OT		1	1,9	0,6	3,5	0012345678910	0123456789
19	17154030	Lê Quang	Hoan	DH17OT		1	2	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
20	17154033	Ngô Minh	Hoàng	DH17OT		1	2,1	3,6	6,7	0012345678910	0123456789
21	17154034	Nguyễn Tấn	Hùng	DH17OT		1	2	3,8	6,8	0012345678910	0123456789
22	17154035	Nguyễn Thanh	Hùng	DH17OT		1	1,5	1,6	4,1	0012345678910	0123456789
23	17154036	Hà Quang	Huy	DH17OT		1	2,3	3,9	7,2	0012345678910	0123456789
24	17154038	Lê Tuấn	Khang	DH17OT		1	2	1,4	4,4	0012345678910	0123456789
25	17154039	Phạm Hoàng	Khang	DH17OT		0,8	1,9	1,6	4,3	0012345678910	0123456789
26	17154040	Phạm Văn	Khang	DH17OT		1	1,3	1,8	4,1	0012345678910	0123456789
27	17154041	Nguyễn Duy	Khánh	DH17OT		1	1,4	2,7	5,1	0012345678910	0123456789
28	17154042	Nguyễn Quốc	Khánh	DH17OT		1	1,5	1,6	4,1	0012345678910	0123456789
29	17154043	Nguyễn Văn	Khánh	DH17OT		0,9	2,1	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	17154046	Trần Duy	Khoa	DH17OT		1	1,6	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
31	17154047	Phạm Tấn	Kiệt	DH17OT		0,8	2,1	1,2	4	0012345678910	0123456789
32	17153041	Lương Chí	Lập	DH17CD		1	2	4,2	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02063

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17OT_03**

Tổ Thi **001_DH17OT_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Ngày Thi **14/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154050	Nguyễn Thanh Linh	DH17OT							0012345678910	0123456789
34	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			1	2	3,2	6,2	0012345678910	0123456789
35	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			1	1,8	2,9	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ~~34~~ Số sinh viên vắng ~~A...~~

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thị Phương Thảo

Lê Khắc Quý

Trần Văn Tiến

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 02064

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_03

Tổ Thi

002_DH17OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154055	Lê Hoàng Minh	Mẫn	DH17OT						0012345678910	0123456789
2	17154057	Trần Văn Hoài	Nam	DH17OT		1	2,1	4,5	7,6	0012345678910	0123456789
3	17153047	Nguyễn Trung	Nghĩa	DH17CD		0,9	1,9	4,4	7,2	0012345678910	0123456789
4	17153048	Lê Khánh	Nguyên	DH17CD		1	2,1	4,2	7,3	0012345678910	0123456789
5	17154058	Phạm Sĩ	Nguyên	DH17OT		0,9	2,1	4	7	0012345678910	0123456789
6	17154061	Phan Thị Hoài	Nhã	DH17OT		1	2,3	3,3	6,6	0012345678910	0123456789
7	17153049	Hoàng Đình	Nhân	DH17CD		1	1,5	3,1	5,6	0012345678910	0123456789
8	17154064	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT		0,9	1,8	2,6	5,3	0012345678910	0123456789
9	17154065	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT		0,9	1,8	2,8	5,5	0012345678910	0123456789
10	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT		1	1,5	0,6	3,1	0012345678910	0123456789
11	17154070	Nguyễn Thanh	Phong	DH17OT		1	2,1	4,9	8	0012345678910	0123456789
12	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL		0,9	1,4	4,7	7	0012345678910	0123456789
13	17154072	Trần Thanh	Phúc	DH17OT		0,9	1,3	2,9	5,1	0012345678910	0123456789
14	17154073	Đặng Hữu	Phước	DH17OT		1	2	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
15	17154075	Cao Việt	Quang	DH17OT		0,9	2,2	4,4	7,5	0012345678910	0123456789
16	17154076	Đoàn Phú	Quý	DH17OT						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02064

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_03

Tổ Thi

002_DH17OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/06/2019

Giờ Thi

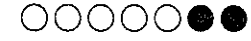
09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT			1	1,7	3,4	6,1	0012345678910	0123456789
18	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT			1	1	3	5	0012345678910	0123456789
19	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT			1	2	4	4	0012345678910	0123456789
20	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT			1	1,7	3,1	5,8	0012345678910	0123456789
21	17154085	Nguyễn Hữu Tài	DH17OT			1	1	2,2	4,2	0012345678910	0123456789
22	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT			1	2	2,9	5,9	0012345678910	0123456789
23	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT			0,9	0,3	1,6	2,8	0012345678910	0123456789
24	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT			1	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
25	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			1	2,9	3,8	6,7	0012345678910	0123456789
26	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT			1	2,9	3,1	7	0012345678910	0123456789
27	17154094	Huỳnh Phước Thạnh	DH17OT			1	2	2	5	0012345678910	0123456789
28	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			1	2,1	2,6	5,7	0012345678910	0123456789
29	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			1	2,1	4,1	7,2	0012345678910	0123456789
30	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT			1	1,4	3	5,4	0012345678910	0123456789
31	17154099	Nguyễn Văn Thu	DH17OT			1	1,9	2,6	5,5	0012345678910	0123456789
32	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT			1	2,1	3,6	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02064

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_03

Tổ Thi 002_DH17OT_03

Tên CBGD

Nguyễn Thị Phương Thảo

Ngày Thi 14/06/2019

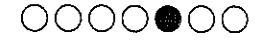
Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154102	Lê Cao Quốc	Tiến	DH17OT		1	2,1	3,4	6,5	0012345678910	0123456789
34	17154104	Nguyễn Võ Minh	Tiến	DH17OT		0,9	1,7	4,4	7	0012345678910	0123456789
35	17154106	Phạm Xuân	Tinh	DH17OT		1	1,5	2,4	4,9	0012345678910	0123456789
36	17154107	Nguyễn Văn	Toàn	DH17OT		1	1,8	1,2	4	0012345678910	0123456789
37	17154108	Trần Văn	Trà	DH17OT		1	1,6	3,8	6,4	0012345678910	0123456789
38	17137075	Lê Khắc	Trung	DH17NL		1	0,9	2,1	4	0012345678910	0123456789
39	17154113	Võ Thương	Trường	DH17OT		1	2	3,4	6,4	0012345678910	0123456789
40	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
41	17154117	Phan Anh	Tuấn	DH17OT		1	1,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
42	17154119	Nguyễn Minh	Viễn	DH17OT		1	2	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
43	17154120	Nguyễn Thành	Vinh	DH17OT		1	2	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
44	17154122	Đặng Bá	Vũ	DH17OT		0,9	1,7	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
45	17154123	Lý Hoàng	Vũ	DH17OT		1	1,8	1,7	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02064

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)** Số Tin Ch **2**
Nhóm Thi **DH17OT_03** Tổ Thi **002_DH17OT_03** Tên CBGD **Nguyễn Thị Phương Thảo**
Ngày Thi **14/06/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Hữu Hòa

Trần Văn Tuấn

Nguyễn Thị Phương Thảo



Mã nhận dạng 02068

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi 001_DH15OT_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thực %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT				1.7	2.6	4.3	0012345678910	0123456789
2	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK				1.9	2.2	4.1	0012345678910	0123456789
3	15154006	K"	DH15OT				2	2.8	4.8	0012345678910	0123456789
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC				0.5	2.4	2.9	0012345678910	0123456789
5	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT				1.7	4.8	6.5	0012345678910	0123456789
6	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT				1.8	6	7.8	0012345678910	0123456789
7	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC				1.4	5.6	7.0	0012345678910	0123456789
8	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT				1.6	4.6	6.2	0012345678910	0123456789
9	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT				1.4	4.8	6.2	0012345678910	0123456789
10	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT				1.3	4	5.3	0012345678910	0123456789
11	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT				2	7.2	9.2	0012345678910	0123456789
12	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT				1.6	4	5.6	0012345678910	0123456789
13	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT				1.4	5.6	7.0	0012345678910	0123456789
14	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT				1.9	4.6	6.5	0012345678910	0123456789
15	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT				1.6	7.2	8.8	0012345678910	0123456789
16	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT				1.3	V	V	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02068

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi 001_DH15OT_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT				2	5.2	7.2	0012345678910	0123456789
18	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT				1.9	7.6	9.5	0012345678910	0123456789
19	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT				2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789
20	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK				1.9	2.4	4.3	0012345678910	0123456789
21	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
22	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT				1.8	3.8	5.6	0012345678910	0123456789
23	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC				1.8	4.8	6.6	0012345678910	0123456789
24	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK				1.4	4.8	6.2	0012345678910	0123456789
25	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
26	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			Coin	1.5	4.5	6.0	0012345678910	0123456789
27	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT				1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
28	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
29	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK				1.9	5.2	7.1	0012345678910	0123456789
30	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT				1.1	3	4.1	0012345678910	0123456789
31	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT				1.9	7.6	9.5	0012345678910	0123456789
32	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT				1.8	5.2	7.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02068

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi 001_DH15OT_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Đ1 Đ2	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK				1.8	4.4	6.2	0012345678910	0123456789
34	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT				1.6	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
35	15154053	Son Ngọc Thắng	DH15OT				2	7.2	9.2	0012345678910	0123456789
36	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT				1.1	4.4	5.5	0012345678910	0123456789
37	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC				0.5	✓	✓	0012345678910	0123456789
38	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT				1.7	6.8	8.5	0012345678910	0123456789
39	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT				1	4.6	5.6	0012345678910	0123456789
40	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT				1.6	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
41	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT				1.7	5.6	7.3	0012345678910	0123456789
42	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
43	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT				1.5	6	7.5	0012345678910	0123456789
44	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT				1.6	5.6	7.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02068

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15OT_01

Tổ Thi

001_DH15OT_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

LE Van Thuan

Trương Quang Trường

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02066

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CC_02

Tổ Thi 001_DH15CC_02

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm 8/10%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC				2	7.2	9.2	0012345678●10	01●3456789
2	15118052	Trần An	DH15CC				2	4	6.0	0012345●78910	●123456789
3	15118053	Đặng Minh	DH15CC				1.4	4.6	6.0	0012345●78910	●123456789
4	15118061	Đoàn Minh	DH15CC				2	6.6	8.6	001234567●910	012345●789
5	15118065	Nguyễn Trúc	DH15CC				2	5.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
6	15118067	Nguyễn Hoài	DH15CC				2	5	7.0	00123456●8910	●123456789
7	15118080	Lê Nguyễn Vinh	DH15CK				1	✓	✓	●012345678910	0123456789
8	14118239	Văn Công	DH14CK				1.9	2.4	4.3	001234●5678910	012●3456789
9	15118087	Nguyễn Thanh	DH15CC				2	5.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
10	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT				✓	0.8	0.8	0●12345678910	01234567●89
11	15118103	Nguyễn Hữu	DH15CC				1.5	2.8	4.3	001234●5678910	012●3456789
12	15118128	Hoàng Trung	DH15CC				1.5	2.6	4.1	001234●5678910	0●123456789



Mã nhận dạng 02066

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH15CC_02 Tổ Thi 001_DH15CC_02 Tên CBGD Trương Quang Trường
Ngày Thi 10/06/2019 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44.. Số sinh viên vắng 1....

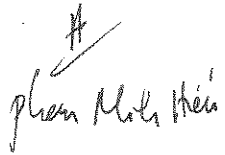
Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Hiền


Lê Khoa Quý




Trương Quang Trường

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02067

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CK_03

Tổ Thi 001_DH15CK_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±0%	Điểm Vấn 8	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK	anh			1.5	2.6	4.1	0012345678910	0023456789
2	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK	cy			1.8	4.4	6.2	0012345678910	0123456789
3	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK	chuan			1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
4	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK	ng			1.9	5.1	7.1	0012345678910	0023456789
5	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK	ng			1.9	4.2	6.1	0012345678910	0023456789
6	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK	V						0012345678910	0123456789
7	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK	dui			1.6	5.4	7.0	0012345678910	0123456789
8	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK	ng			1.8	6	7.8	0012345678910	0123456789
9	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK	ng			1.6	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
10	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK	dui			1	2.4	3.4	0012345678910	0123456789
11	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK	ng			1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
12	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK	ng			1	7.2	8.2	0012345678910	0123456789
13	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK	ng			2	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
14	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK	ng			1.3	1.2	2.5	0012345678910	0123456789
15	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC	ng			1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
16	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK	ng			1.9	4.8	6.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02067

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH15CK_03

Tổ Thi 001_DH15CK_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK	<i>Lam</i>			2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
18	15118068	Phạm Đức	DH15CK	<i>Pham</i>			0.4	3.6	4.0	0012345678910	0123456789
19	15118069	Võ Văn	DH15CK	<i>Vu</i>			1.9	4.8	6.7	0012345678910	0123456789
20	15118071	Nguyễn Tấn	DH15CK	<i>Tan</i>			1	3.2	4.2	0012345678910	0123456789
21	15118078	Nguyễn Tấn	DH15CK	<i>Tan</i>			1.4	2.6	4.0	0012345678910	0123456789
22	15118086	K'	DH15CK	<i>K'</i>			1.8	2.2	4.0	0012345678910	0123456789
23	15118088	Trần Hữu	DH15CK	<i>Huu</i>			1.9	2.6	4.5	0012345678910	0123456789
24	15118093	Phạm Ngọc	DH15CK	<i>Ngoc</i>			1.9	5.2	7.1	0012345678910	0123456789
25	15118095	Dương Tấn	DH15CK	<i>Tan</i>			1.9	6.8	8.7	0012345678910	0123456789
26	15118101	Phạm Minh	DH15CK	<i>Minh</i>		1	1.9	6.4	9.3	0012345678910	0123456789
27	14118070	Đinh Trọng	DH14CK	<i>Trong</i>			0.8	1.2	2.0	0012345678910	0123456789
28	14118072	Nguyễn Gia	DH14CK	<i>Gia</i>			2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
29	15118106	Trần Trung	DH15CK	<i>Trung</i>			1.9	3.8	5.7	0012345678910	0123456789
30	15118109	Lưu Ngọc Anh	DH15CK	<i>Anh</i>			1.5	5.8	7.3	0012345678910	0123456789
31	15118114	Lê Đức	DH15CK	<i>De</i>			1	6	7.0	0012345678910	0123456789
32	15118120	Trần Nguyễn Quốc	DH15CK	<i>Quoc</i>			2	4	6.0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02067

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CK_03

Tổ Thi

001_DH15CK_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118086	Nguyễn Công	Truyền	DH14CK			1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
34	15118121	Lê Quang	Trường	DH15CK			1.9	7.2	9.1	0012345678910	0123456789
35	15118123	Trần Thanh	Tú	DH15CK			2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789
36	15118131	Dương Quốc	Việt	DH15CK			1.9	5.2	7.1	0012345678910	0123456789
37	15118132	Phạm Thế	Vinh	DH15CK			2	5.5	7.5	0012345678910	0123456789
38	15118133	Đặng Hoàng	Vũ	DH15CK			1.8	5.2	7.0	0012345678910	0123456789
39	15118137	Nguyễn Quốc	Vương	DH15CK			1.4	4.4	5.8	0012345678910	0123456789
40	14118315	Trần Bá	Vương	DH14CK			2	7.2	9.2	0012345678910	0123456789
41	15118139	Nguyễn Thành	Ý	DH15CK			1.8	7.2	9.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 02082



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>Anh</i>		1	24	28	6.2	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng	DH18CC	<i>Hoàng</i>			26	49	7.5	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC	<i>Bao</i>			26	49	7.5	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	<i>Cho</i>			3	5	8.0	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh	DH18CC	<i>Dung</i>			18	49	6.8	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc	DH18CC	<i>Phuc</i>			22	18	4.0	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương	DH18CC	<i>Phuong</i>			24	42	6.6	0012345678910	0123456789
8	17137018	Phạm Ngô Ngọc	DH17NL	<i>Ngoc</i>			21	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
9	18153015	Đỗ Trung	DH18CD	<i>Trung</i>			15	46	6.1	0012345678910	0123456789
10	18153016	Nguyễn Thái	DH18CD	<i>Thai</i>			15	46	6.1	0012345678910	0123456789
11	18118014	Bạch Thanh	DH18CC	<i>Dai</i>			23	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
12	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC	<i>Tien</i>			3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
13	18118022	Phan Thành	DH18CC	<i>Thanh</i>		1	3	3.2	7.2	0012345678910	0123456789
14	18118015	Nguyễn Hải	DH18CC	<i>Hai</i>			24	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
15	18118024	Lê Xuân	DH18CC	<i>Xuan</i>		0.9	2.1	7	10.0	0012345678910	0123456789
16	18118025	Nguyễn Huỳnh	DH18CC		<i>Sam Thi</i>					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
18	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL				2.6	4.9	7.5	0012345678910	0123456789
19	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
20	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL				1.8	4.9	6.7	0012345678910	0123456789
21	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
22	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
23	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC				3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
24	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC				2.4	6.7	9.1	0012345678910	0123456789
25	18118070	Trương Tuấn Lộc	DH18CC				2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
26	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC				2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
27	18118079	Nguyễn Trọng Luận	DH18CC				2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
28	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				2.1	1.9	4.0	0012345678910	0123456789
29	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
30	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC				2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789
31	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
32	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC				1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 SD %	Điểm Thi/6	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789
34	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
35	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			1	2.7	5.3	9.0	0012345678910	0123456789
36	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL				1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
37	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				2.4	0.4	2.8	0012345678910	0123456789
38	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC				2.7	7	9.7	0012345678910	0123456789
39	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
40	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC				2.3	4.3	6.5	0012345678910	0123456789
41	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC				2.7	3.9	6.6	0012345678910	0123456789
42	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	18118131	Nguyễn Minh Thắng	DH18CC				2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
44	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC				2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
45	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			1	2.7	5.3	9.0	0012345678910	0123456789
46	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			1	2.6	3.9	7.5	0012345678910	0123456789
47	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
48	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC				-	1.1	1.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 30%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC				25	25	5.0	0012345678910	0123456789
50	18118161	Lâm Thanh Triều	DH18CC		Cấp thi		✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
51	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC				24	0.8	3.1	0012345678910	0123456789
52	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC				29	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
53	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC				26	3.9	6.5	0012345678910	0123456789
54	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
55	18118177	Hà Thanh Tùng	DH18CC			1	2.4	2.8	6.2	0012345678910	0123456789
56	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC				26	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
57	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			0.6	1.8	1.8	4.2	0012345678910	0123456789
58	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL			0.9	2.4	6.7	10.0	0012345678910	0123456789
59	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC				1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
60	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC				3	4.7	7.7	0012345678910	0123456789
61	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tô Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/06/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi .59 Số sinh viên vắng ..02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

N.V. Kiệp

Trương Quang Trường

Ngày in : 13/05/2019



Mã nhận dạng 01785

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC						8,7	001234567●910	0123456●89
2	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC						8,3	001234567●910	012●456789
3	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC						8,4	001234567●910	0123●56789
4	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC						8,3	001234567●910	012●456789
5	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC						8,0	001234567●910	●123456789
6	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC						9,2	0012345678●10	01●3456789
7	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC						8,4	001234567●910	0123●56789
8	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC						8,5	001234567●910	01234●6789
9	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC						8,6	001234567●910	012345●789
10	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC						8,6	001234567●910	012345●789
11	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC						7,9	00123456●8910	012345678●
12	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC						8,5	001234567●910	01234●6789
13	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC						8,8	001234567●910	01234567●9
14	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC						8,6	001234567●910	012345●789
15	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC						8,2	001234567●910	01●3456789
16	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC						8,3	001234567●910	012●456789
17	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC						8,7	001234567●910	0123456●89
18	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC						8,5	001234567●910	01234●6789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	--------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	------------------	------------

Số lượng vắng:

Hiện diện:

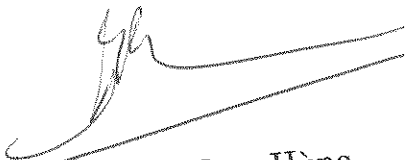
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Bùi Ngọc Hùng


Lê Anh Đức


Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 01786

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207231) - 01

CBGD: Khoa Phụ Trách Khoa Ck (T274)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC						7,5	0012345678910	0123456789
2	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC						7,0	0012345678910	0123456789
3	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC						7,8	0012345678910	0123456789
4	15118052	Trào An Lộc	DH15CC						7,3	0012345678910	0123456789
5	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC						6,8	0012345678910	0123456789
6	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC						7,8	0012345678910	0123456789
7	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC						7,0	0012345678910	0123456789
8	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC						7,5	0012345678910	0123456789
9	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC						7,3	0012345678910	0123456789
10	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC		✓					0012345678910	0123456789
11	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC						7,5	0012345678910	0123456789
12	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC						7,0	0012345678910	0123456789
13	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC						8,0	0012345678910	0123456789
14	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC		✓					0012345678910	0123456789
15	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC						7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 13

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/04/2019 08:38

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Hoài Đăng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK				1,5	5,6	7,2	0012345678910	0123456789
2	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK				1,5	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
3	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK				1,8	6,4	8,2	0012345678910	0123456789
4	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK				1,8	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
5	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK				1,6	4,4	6,0	0012345678910	0123456789
6	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK				0	0	0,0	0012345678910	0123456789
7	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK				2,4	2,4	4,4	0012345678910	0123456789
8	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK				1,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
9	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK				1,5	3,6	5,1	0012345678910	0123456789
10	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK				0	0	0,0	0012345678910	0123456789
11	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK				1,6	4,4	6,0	0012345678910	0123456789
12	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK				1,8	5,2	7,0	0012345678910	0123456789
13	15118036	Nguyễn Trọng Hiều	DH15CK				1,5	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
14	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK				1,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
15	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK				1,5	5,2	6,7	0012345678910	0123456789
16	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK				1,8	6,8	8,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118098	Nguyễn Bình Trí	Mẫn	DH16CK			1,8	7,0	8,8	0012345678910	0123456789
18	16118104	Đào Xuân	Nguyên	DH16CK			1,6	4,4	6,0	0012345678910	0123456789
19	13118221	Võ Văn	Nguyên	DH13CK			1,2	2,8	4,0	0012345678910	0123456789
20	14118217	Đỗ Thanh	Phong	DH14CK			1,3	4,4	5,7	0012345678910	0123456789
21	16118115	Ngô Thanh	Phong	DH16CK			1,8	8,0	9,8	0012345678910	0123456789
22	15118080	Lê Nguyễn Vinh	Phúc	DH15CK			0	0	0,0	0012345678910	0123456789
23	16118130	Bùi Thanh	Sang	DH16CK			1,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
24	16118136	Trần Văn	Sự	DH16CK			2,0	6,8	8,8	0012345678910	0123456789
25	16118141	Lưu Văn	Tân	DH16CK			0	0	0,0	0012345678910	0123456789
26	16118144	Nguyễn Minh	Thắng	DH16CK			1,5	7,2	8,7	0012345678910	0123456789
27	14118259	Nguyễn Gia	Thế	DH14CK			1,0	3,2	4,2	0012345678910	0123456789
28	16118154	Lê Xuân	Tiến	DH16CK			1,8	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
29	15118117	Lý Ngọc	Trọng	DH15CK			1,8	5,6	7,4	0012345678910	0123456789
30	15118121	Lê Quang	Trường	DH15CK			1,8	4,8	6,6	0012345678910	0123456789
31	16118165	Đinh Văn	Tú	DH16CK			1,5	4,8	6,3	0012345678910	0123456789
32	15118132	Phạm Thế	Vinh	DH15CK			1,8	2,8	4,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02105

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **13/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118179	Nguyễn Minh Vương	DH16CK	<i>vuong</i>			1,3	7,2	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2 Số sinh viên vắng 0

Ngày 8 Tháng 17 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Kgmb
Lê Khắc Quý

Minh Vương
Minh Vương

Võ Văn Thừa
Võ Văn Thừa



Mã nhận dạng 02106



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi **001_TINCHI_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **10/06/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK	An			1,0	8,5	9,5	0012345678910	0123456789
2	15118001	Nguyễn Bình	DH15CK	Bình			1,0	8,0	9,0	0012345678910	0123456789
3	15118006	Nguyễn Châu	DH15CK	Châu			1,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	16118023	Huỳnh Trung	DH16CK	Trung			1,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
5	15118012	Trần Thanh	DH15CK	Thanh			1,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
6	15118022	Trần Hoàng	DH15CK	Hoàng			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
7	18163008	Trần Vũ Hoàng	DH18ES	Hoàng			0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
8	15118010	Lâm Văn	DH15CK	Văn			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
9	15118019	Nguyễn Tấn	DH15CK	Tấn			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
10	16118052	Hồ Sông	DH16CK	Sông			1,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	15118031	Nguyễn Bình Phương	DH15CK	Phương			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
12	15118036	Nguyễn Trọng	DH15CK	Trọng			1,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
13	15118038	Lê Sĩ	DH15CK	Sĩ			1,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
14	14118177	Phạm Ngọc	DH14CK	Ngọc			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
15	15118045	Du Đức Anh	DH15CK	Anh			1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
16	14118190	Huỳnh Công	DH14CK	Công			1,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02106

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_01

Tổ Thi 001_TINCHI_01

Tên CBGD Võ Văn Thưa

Ngày Thi 10/06/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK	Minh			1,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
18	15118069	Vô Văn Nam	DH15CK	Nam			1,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
19	15118070	Lý Nghé	DH15CK	Ly			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
20	14118207	Nguyễn Lê	DH14CK	Le			1,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
21	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK	Phuc			1,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
22	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK	Son			1,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
23	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK	Thanh			1,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
24	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK	Thang			1,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
25	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK	Thuat			1,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
26	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK	Tin			1,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
27	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK	Trung			1,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
28	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK	Truyen			1,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
29	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	Truong			1,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK	Tung			1,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
31	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK	Viet			1,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
32	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK	Vuong			1,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02106

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sử dụng máy(207310) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi TINCHI_01 Tổ Thi 001_TINCHI_01 Tên CBGD Võ Văn Thừa
Ngày Thi 10/06/2019 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 2.1 Số sinh viên vắng 1.1

Ngày 8 Tháng 07 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

plam hoi hien

Ky quoc
Le Khac Quoi

Võ Văn Thừa



Mã nhận dạng 01813

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT				6,5	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
2	15154006	K"	DH15OT				6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT				6,5	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
4	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OT				6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
5	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT				5,0	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
6	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT				7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
7	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT				7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
8	16154025	Trương Hoàng Giang	DH16OT				8,0	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
9	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT				6,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
10	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT				7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
11	16154051	Vũ Văn Huy	DH16OT				8,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
12	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT				7,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
13	16154069	Nguyễn Ngọc Nhã	DH16OT				8,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
14	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT				5,5	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	16154084	Trần Khắc Sinh	DH16OT				8,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
16	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT							0012345678910	0123456789
17	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT				6,0	0,0	2,4	0012345678910	0123456789
18	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT				6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT				6,5	2,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17154915	Nguyễn Xuân Văn	DH17OT				7,0	7,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

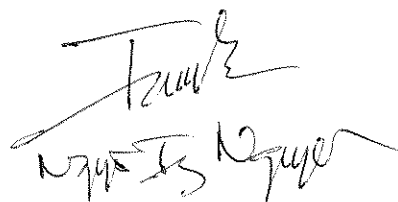
Số lượng vắng:

Hiện diện:

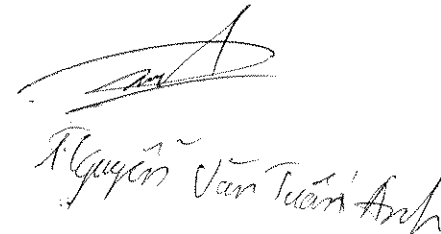
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

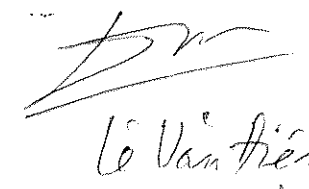
Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Hiem

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT				7,5	8,5	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT				7,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT				5,5	8,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT				8,0	7,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT				6,0	4,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT				5,5	3,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT				5,0	3,5	4,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT				6,0	0,0	2,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16154027	Ngô Trần Nhật Hào	DH16OT							1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT				6,5	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT				9,0	3,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT				7,5	5,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT				8,0	7,5	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	16154083	Nguyễn Xuân Sinh	DH16OT				7,0	8,5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT							1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT				6,5	3,0	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT				6,5	8,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT							1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT				4,0	4,0	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT				7,0	8,0	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

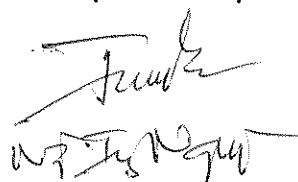
Số lượng vắng:

Hiện diện:

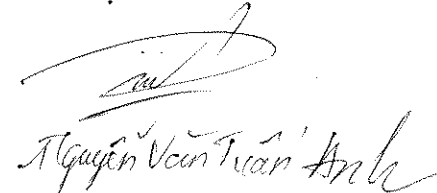
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

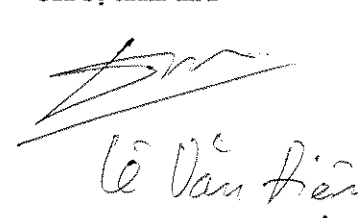
Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Hiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154004	Trần Quốc An	DH16OT				7,5	8,5	8,1	○○○1234567●910	○●23456789
2	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT				8,0	9,0	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
3	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT				7,5	7,5	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
4	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT				6,5	0,5	2,9	○○○1●345678910	○12345678●
5	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT				6,5	9,0	8,0	○○○1234567●910	●123456789
6	16154030	Yến Quốc Hào	DH16OT				6,5	4,0	5,0	○○○1234●678910	●123456789
7	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT				5,0	0,5	2,3	○○○1●345678910	○12●456789
8	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT							●○○12345678910	○123456789
9	16154037	Trương Đức Hiệu	DH16OT				6,5	3,0	4,4	○○○123●5678910	○123●56789
10	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT				6,0	0,5	2,7	○○○1●345678910	○123456●89
11	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT				0,0	0,0	0,0	○●12345678910	●123456789
12	16154048	Nguyễn Phú Huy	DH16OT				6,0	3,0	4,2	○○○123●5678910	○1●3456789
13	16154050	Trần Quang Huy	DH16OT				7,0	3,0	4,6	○○○123●5678910	○12345●789
14	16154043	Trần Tấn Hưng	DH16OT				8,5	6,0	7,0	○○○123456●8910	●123456789
15	16154055	Y-Ngĩnh Knul	DH16OT				7,0	3,0	4,6	○○○123●5678910	○12345●789
16	16154068	Phan Chí Nguyên	DH16OT				6,5	3,0	4,4	○○○123●5678910	○123●56789
17	16154073	Bùi Duy Phương	DH16OT				8,0	8,5	8,3	○○○1234567●910	○12●456789
18	16154077	Trần Ngọc Quế	DH16OT				7,0	3,5	4,9	○○○123●5678910	○12345678●



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT				7,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
20	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT							0012345678910	0123456789
21	16154095	Văn Công Thiện	DH16OT							0012345678910	0123456789

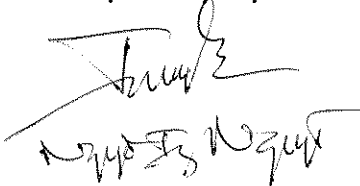
Số lượng vắng:

Hiện diện:

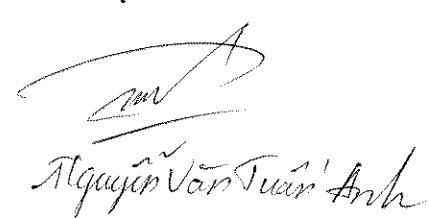
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

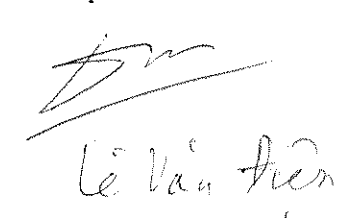
Xác nhận của khoa/bộ môn


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Văn Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Thiện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT						8,0	○○○1234567●910	●123456789
2	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT						10,0	○○○123456789●	●123456789
3	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
4	15154006	K"	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
5	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
6	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
7	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
8	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
9	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
10	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT						10,0	○○○123456789●	●123456789
11	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
12	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
13	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789
14	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT						10,0	○○○123456789●	●123456789
15	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT						8,0	○○○1234567●910	●123456789
16	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT						10,0	○○○123456789●	●123456789
17	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT						8,0	○○○1234567●910	●123456789
18	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT						9,0	○○○12345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT					8,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT					8,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT					7,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT					10,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT					9,0		○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15154045	Trần Suker	DH15OT						10,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT						10,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	15154053	Sơn Ngọc Thắng	DH15OT						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT						5,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT						7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15154060	Nguyễn Công Tình	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT						7,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ● ● ○ ○ ○ ● ● ○ ○ ○ ○ ○	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2018 ~ 2019

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Nguyễn Văn Tuấn Anh (0132)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT						10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 56

Cán bộ coi thi.1

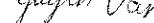
Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

.Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

~~True~~
R. G. G. G. G.


Nguyen Van Tuan Anh